

**Mẫu 2.3**

**MẪU KẾ HOẠCH 5 NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho tòa nhà, trụ sở, văn phòng làm việc, nhà ở; cơ sở giáo dục, y tế, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao; khách sạn, siêu thị, nhà hàng, cửa hàng)*

**KẾ HOẠCH 5 NĂM  
VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

[Tên cơ sở] báo cáo kế hoạch 5 năm [từ năm N đến năm N+4] Ngày lập báo cáo [.../.../....]

Mã số ID: [Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp]

|                                                                   |                               |
|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo                           | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia  
<http://dataenergy.vn>

Tên cơ sở: .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: ..... [Tên Huyện ....] [Tên Tỉnh.....]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: .....

Điện thoại: .....Fax: ....., Email:  
.....

Trực thuộc (tên công ty mẹ): .....

Địa chỉ: ..... [Tên Huyện ....] [Tên Tỉnh.....]

Điện thoại: ..... Fax: ....., Email: .....

Chủ sở hữu: (Nhà nước/thành phần kinh tế khác)

**I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**

|                                            |                     |                                           |                     |
|--------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|---------------------|
| Năm đưa tòa nhà vào hoạt động              |                     | Loại công trình                           |                     |
| Tổng diện tích mặt sàn                     | .....m <sup>2</sup> | Số tầng                                   |                     |
| Tổng diện tích được bao che <sup>(1)</sup> | .....m <sup>2</sup> | Tổng diện tích bán bao che <sup>(2)</sup> | .....m <sup>2</sup> |

|                                             |                     |                                    |                     |
|---------------------------------------------|---------------------|------------------------------------|---------------------|
| Tổng diện tích không bao che <sup>(3)</sup> | .....m <sup>2</sup> | Diện tích được ĐHNĐ <sup>(4)</sup> | .....m <sup>2</sup> |
| Tổng diện tích văn phòng                    | .....m <sup>2</sup> | Số phòng làm việc                  |                     |
| Tổng diện tích các phòng họp                | .....m <sup>2</sup> | Số phòng họp                       |                     |
| Diện tích cho thuê làm cửa hàng             | .....m <sup>2</sup> | Số cửa hàng                        |                     |
| Diện tích khu căng - tin, phục vụ           | .....m <sup>2</sup> | Diện tích khu giải trí             | .....m <sup>2</sup> |
| Số tầng hầm (nếu có)                        |                     | Tổng diện tích tầng hầm (nếu có)   | .....m <sup>2</sup> |
| Số tầng/nhà để xe (nếu có)                  |                     | Diện tích tầng/nhà để xe           | .....m <sup>2</sup> |

*Ghi chú:*

- (1) Phần diện tích có mái che và có tường bao quanh;  
(2) Phần diện tích có mái che và một phần tường bao quanh;  
(3) Phần diện tích không có mái che và tường bao quanh (ngoài trời);  
(4) ĐHNĐ - Điều hòa nhiệt độ.

*(Các nội dung khác theo Mẫu 2.1, mục 1.2, II)*

**Nguồn:** Thông tư 25/2020/TT-BCT